TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 13 – 6 – 2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Chẩn.
2. Ông Võ Tấn Sĩ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Minh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST - DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Mai Thị T, sinh năm 1971.
- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968

Cùng nơi cư trú: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày*:

Vào 29/11/2023 (tức 17/10/2023 âm lịch), bà T có cho bà Nguyễn Thị Kim L mượn số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*), có viết giấy mượn tiền, trong đó có ghi rõ ngày tháng nhưng nhầm lẫn dương lịch và âm lịch, giấy mượn tiền là do bà T trực tiếp ghi và bà L – người mượn tiền trực tiếp ký tên bên dưới và có ông Lê Minh T1 (con trai của bà L) là người chứng kiến. Theo bà L nói mục đích mượn để nuôi ốc hương và cá mú. Thời hạn trả nợ đối với khoản tiền gốc 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) là ngày 22/10/2023, thời hạn trả nợ của khoản nợ gốc 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) là trong

tháng 12/2023 nhưng đến nay đã quá thời hạn, bà L không trả nợ cho bà T nên bà Thân yêu c Toà án buộc bà L phải trả cho bà T tổng số tiền **60.000.000đ** (*sáu mươi triệu đồng*), bà T không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, bà Thân xác đ trước đây bà T cho bà L mượn tổng số tiền là 160.000.000đ (*một trăm sáu mươi triệu đồng*) nhưng bà L đã trả cho bà T 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) nên nay bà T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng).*

**Theo biên bản lấy lời khai, bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Vào năm 2018, bà L có mượn bà T số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*), mượn thành nhiều lần, mỗi lần mượn từ 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) đến 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), không viết giấy nợ, có thoả thuận lãi suất mỗi tháng là 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) nhưng chỉ thoả thuận bằng miệng. Từ khi mượn đến năm 2022, bà L trả lãi đầy đủ cho bà T nhưng đến đầu năm 2023 do làm ăn thua lỗ (nuôi cá và ốc hương nhưng bị mất giá) nên không tiếp tục trả lãi. Đến cuối năm 2023, bà Thân yêu c bà L viết giấy mượn tiền thành 02 giấy mượn tiền như bà T cung cấp, nội dung do bà T tự ghi và bà L trực tiếp ký tên, có con trai của bà L là Lê Minh T1 chứng kiến. Đầu năm 2024, bà T liên tục đòi nợ, đến nhà bà L chửi và yêu cầu gia đình bà L trả nợ.

Nay bà L thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà T số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng)* nhưng do kinh tế khó khăn, phải đi làm thuê kiếm tiền nên xin mỗi tháng trả từ 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đến 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu không tiến hành hoà giải.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Mai Thị T số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét, về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Mai Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) phát sinh từ việc mượn tiền, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L cư trú tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 3 Điều

26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Mai Thị T có yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*). Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có mượn và nợ bà T số tiền nêu trên, nhưng hiện kinh tế khó khăn nên xin mỗi tháng trả từ 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đến 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Mai Thị T căn cứ bản gốc trong giấy biên nhận và giấy mượn tiền lập ngày 29/11/2023 (BL 19) + (BL 20) để yêu cầu bà L trả số tiền 60.000.00đ (*sáu mươi triệu đồng).*

Quá trình giải quyết, bị đơn bà L thừa nhận có vay của bà T số tiền 60.000.00đ (*sáu mươi triệu đồng)* từ năm 2018, lãi suất 2.400.000đ/tháng nhưng đến năm 2023 hai bên mới thống nhất viết giấy mượn tiền nêu trên.

HĐXX xét thấy: việc bà L trình bày có vay của bà T số tiền 60.000.00đ (*sáu mươi triệu đồng)* từ năm 2018, lãi suất 2.400.000đ/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và lời trình bày nêu trên không được bà T thừa nhận. Do đó, HĐXX căn cứ giấy biên nhận, giấy mượn tiền để giải quyết vụ án và xác định giữa các bên có thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Theo giấy biên nhận và mượn tiền do bà T cung cấp có ghi thời hạn trả nợ là vào ngày 22/10/2023 và tháng 12/2023, nhưng khi đến hạn trả nợ bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ là vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đề nghị mỗi tháng trả từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng vì kinh tế khó khăn nhưng phương thức trả nợ nêu trên không được bà T đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Về lãi suất: nguyên đơn bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[4] Về án phí: bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Mai Thị T số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Mai Thị T số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà T nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000338 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà